

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 11/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 15h00 * Ngày thi: 09/11/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	27207137198	Đỗ Thị Kim	Anh	18/05/2003	Đà Nẵng	31SSC1	6.3	5.5	Đạt	
2	27207138453	Lê Nguyễn Trang	Anh	06/03/2003	Quảng Nam	31TYC10	4.7	4.0	Không Đạt	
3	29204621540	Võ Thị	Diễm	18/07/2005	Quảng Nam	31TYC10	9.7	7.5	Đạt	
4	28204302178	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	09/01/2004	Đắk Lắk	31SSC5	9.0	8.3	Đạt	
5	28206248976	Nguyễn Thùy	Diệu	15/03/2004	Quảng Ngãi	31SSC5	9.0	9.0	Đạt	
6	27218240117	Phạm	Đức	29/12/2003	Quảng Ngãi	31THT9	7.7	4.0	Không Đạt	
7	27211301586	Trần Văn	Đức	16/02/2003	Quảng Nam	30TBN16	6.0	3.5	Không Đạt	
8	25215210013	Doãn Ngọc	Dương	13/03/2001	Gia Lai	31TYC10	6.7	6.8	Đạt	
9	27213728635	Trần Quý	Dương	29/03/2003	Đắk Lắk	30CHT9	6.3	3.6	Không Đạt	
10	26202137506	Trần Hoàng Quỳnh	Giao	18/01/2002	Gia Lai	30CHT6	V	V	Không Đạt	
11	28206751174	Bùi Thanh	Hà	16/08/2003	Quảng Bình	31THT9	6.3	5.0	Đạt	
12	28207102445	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	29/08/2004	Quảng Bình	31TSC8	7.0	5.0	Đạt	
13	28206549501	Nguyễn Thị Thu	Hà	02/05/2004	Đắk Lắk	31TSC9	3.7	0.8	Không Đạt	
14	28209305849	Võ Thị Thu	Hà	14/07/2004	Quảng Nam	31CHT3	6.0	3.0	Không Đạt	
15	27211300541	Trần Đình	Hải	04/11/2003	Phú Yên	31TYC7	V	V	Không Đạt	
16	28208105595	Đỗ Thị	Hạnh	25/02/2004	Quảng Nam	31SSC5	8.0	5.5	Đạt	
17	29206739155	Phạm Thị Thu	Hiền	16/03/2005	Quảng Nam	31TYC7	8.7	1.8	Không Đạt	
18	28208052295	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	06/11/2004	Thanh Hóa	31SSC5	7.7	7.5	Đạt	
19	27211321762	Trần Văn	Hiếu	30/10/2003	Đà Nẵng	31TYC10	4.3	3.5	Không Đạt	
20	28219346536	Nguyễn Hữu	Hoàng	11/02/2004	Đà Nẵng	31SSC5	7.0	5.5	Đạt	
21	28212637493	Nguyễn Khánh	Hoàng	24/06/2004	Đà Nẵng	31TYC10	9.0	7.0	Đạt	
22	27207100174	Nguyễn Thị Kim	Hồng	01/08/2003	Quảng Nam	30CBN3	2.3	4.3	Không Đạt	
23	27217240771	Nguyễn Bá	Hùng	09/02/2003	Nghệ An	31TBN3	8.0	5.0	Đạt	
24	28208105291	Lê Thị Mỹ	Hương	16/01/2004	Đắk Lắk	31SSC5	8.3	6.5	Đạt	
25	28212504308	Phù Thanh	Huy	04/06/2004	Quảng Ngãi	31TYC10	9.7	5.0	Đạt	
26	26205339282	Lê Thị Thanh	Huyền	14/07/2001	Bình Phước	31TYC10	9.7	9.5	Đạt	
27	29205241164	Phan Mạnh Kim	Huyền	18/11/2005	Kon Tum	31TYC10	6.3	4.3	Không Đạt	
28	27205139284	Trần Thị	Huyền	10/03/2002	Quảng Nam	30TYC4	5.7	5.0	Đạt	
29	28208027850	Trần Thị Khánh	Huyền	04/12/2004	Đà Nẵng	31TSC9	8.3	3.4	Không Đạt	
30	28208053169	H Bưởi	Kbươ	24/03/2004	Đắk Lắk	31SSC5	9.3	5.8	Đạt	
31	27211502026	Nguyễn Triết	Khang	22/11/2003	Quảng Ngãi	31THT9	9.3	5.8	Đạt	
32	28214603971	Ngô Phạm Quốc	Khánh	02/09/2004	Quảng Nam	31SSC5	3.0	2.6	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	27213241242	Lê Gia Kiệt	25/12/2003	Đà Nẵng	30THT6	5.0	5.0	Đạt	
34	28208002969	Lê Thị Thúy Kiều	26/08/2004	Quảng Nam	31TSC9	9.7	7.0	Đạt	
35	28208000844	Võ Thị Mỹ Lệ	24/02/2004	Phú Yên	31TSC9	7.7	7.0	Đạt	
36	28200422345	Lê Thị Thùy Linh	20/09/2004	Hà Tĩnh	31SSC5	7.0	5.3	Đạt	
37	28205136254	Nguyễn Hà Khánh Linh	15/04/2004	Gia Lai	31TSC9	3.3	5.0	Không Đạt	
38	27202244270	Nguyễn Thị Mỹ Linh	03/03/2003	Quảng Nam	31TSC7	6.0	3.3	Không Đạt	
39	29206323653	Trương Thị Thùy Linh	12/12/2005	Gia Lai	31SSC5	4.3	2.9	Không Đạt	
40	29204655123	Lê Nguyễn Hồng Loan	02/11/2005	Quảng Ngãi	31TYC10	8.3	7.3	Đạt	
41	28212306398	Trần Đức Long	16/12/2004	Đắk Lắk	31TSC9	4.3	5.0	Không Đạt	
42	29214327395	Hồ Chánh Luật	14/05/2005	Quảng Nam	31TYC10	10.0	7.5	Đạt	
43	28212338478	Lê Tự Lực	11/12/2003	Quảng Nam	31TSC9	7.0	7.0	Đạt	
44	28206501472	Trần Thị Hiền Lương	24/11/2004	Hà Tĩnh	31THT9	5.7	5.3	Đạt	
45	28214504035	Lê Đắc Bảo Minh	14/12/2004	Quảng Bình	31TYC10	6.0	6.5	Đạt	
46	28218005110	Bùi Văn Sơn Mlô	26/07/2004	Đắk Lắk	31TYC10	V	V	Không Đạt	
47	29206661637	Nguyễn Diễm My	02/07/2005	Gia Lai	31SSC5	5.7	5.5	Đạt	
48	27202101025	Nguyễn Thị Thu My	03/02/2003	Quảng Ngãi	30SBN3	9.3	5.3	Đạt	
49	27207125343	Nguyễn Thị Tuyết Nga	08/10/2003	Quảng Nam	30TSC7	7.0	V	Không Đạt	
50	28208002271	Phan Thiên Nga	15/06/2004	Quảng Nam	31TYC10	V	V	Không Đạt	
51	28208020589	Võ Thị Bích Nga	05/02/2004	Phú Yên	31TSC9	8.7	5.0	Đạt	
52	27211201896	Ngô Tấn Ngân	01/06/2003	Đà Nẵng	31TSC9	7.7	3.5	Không Đạt	
53	28218242693	Đặng Lê Trọng Nghĩa	15/04/2004	Đà Nẵng	31TSC9	6.0	6.8	Đạt	
54	28204354629	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	06/09/2004	Đắk Lắk	31SSC5	9.7	7.5	Đạt	
55	25217104193	Trần Kim Nhân	10/10/2001	Đà Nẵng	30CYC2	2.0	6.0	Không Đạt	
56	28208148475	Bùi Thanh Nhi	29/09/2004	Quảng Ngãi	31TSC9	8.0	7.5	Đạt	
57	28206238575	Hồ Thị Yến Nhi	26/06/2004	Đắk Lắk	31THT9	6.7	2.4	Không Đạt	
58	27202228672	Phan Thị Ngọc Nhi	19/07/2003	Đà Nẵng	30CHT7	9.0	5.5	Đạt	
59	28208037364	Trương Thị Hoàng Nhi	16/08/2004	Đà Nẵng	31TSC9	8.7	4.0	Không Đạt	
60	28207505944	Huỳnh Thị Phương Nhung	01/05/2004	Quảng Ngãi	31SSC5	6.7	5.8	Đạt	
61	28204337515	Lê Thị Hồng Nhung	17/11/2004	Quảng Nam	31TSC9	9.3	5.5	Đạt	
62	28208001590	Nguyễn Thị Thùy Nhung	08/11/2004	Đắk Lắk	31TSC9	9.0	5.3	Đạt	
63	28206502432	Đặng Thị Thu Nữ	20/08/2004	Quảng Ngãi	31TSC9	6.0	3.5	Không Đạt	
64	27211328037	Nguyễn Bá Phúc	01/12/2003	Đà Nẵng	31TYC10	5.0	5.3	Đạt	
65	28214302845	Lê Hữu Phước	02/10/2004	Quảng Trị	31TYC1	6.3	3.6	Không Đạt	
66	28208005423	Nguyễn Thị Loan Phương	19/03/2004	Gia Lai	31SSC5	8.0	5.3	Đạt	
67	27203321677	Phạm Phương Phương	05/06/2003	Quảng Ngãi	30CYC5	6.7	3.5	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	29204953428	Lê Thị Thúy	Phượng	02/11/2005	Quảng Ngãi	31TYC10	9.0	10.0	Đạt	
69	28212504613	Trần Minh	Quân	30/04/2004	Đà Nẵng	31TYC10	7.3	6.5	Đạt	
70	28200402882	Lê Châu	Quyên	27/08/2004	Quảng Nam	31TSC9	8.0	5.0	Đạt	
71	28204605298	Lê Thị Ngọc	Quỳnh	26/06/2004	Quảng Nam	31TSC9	7.3	6.3	Đạt	
72	27212233700	Trần Văn	Sơn	01/05/2003	Thừa Thiên H	30TSC13	7.0	5.0	Đạt	
73	28209238485	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	06/01/2004	Quảng Nam	31TYC10	8.0	9.5	Đạt	
74	28204650785	Trần Lê Diễm	Tâm	11/06/2004	Đà Nẵng	31TSC9	7.3	6.3	Đạt	
75	28218002858	Trần Hữu	Thắng	04/04/2004	Quảng Nam	31TSC9	8.7	6.0	Đạt	
76	27203730787	Đoàn Thị	Thanh	29/10/2003	Quảng Bình	31TYC10	V	V	Không Đạt	
77	29207154252	Lê Thị Hoài	Thanh	11/05/2002	Quảng Bình	31CBN4	8.0	6.0	Đạt	
78	28208053626	Dương Thị Minh	Thảo	10/03/2004	Đắk Nông	31SSC5	4.7	5.0	Không Đạt	
79	28208005673	Hà Thanh	Thảo	17/03/2004	Đà Nẵng	31SSC5	9.7	6.5	Đạt	
80	26202428041	Lê Nguyên	Thảo	15/01/2002	Quảng Nam	31TSC8	5.7	5.5	Đạt	
81	29218457241	Trịnh Quang	Thịnh	30/12/2005	Quảng Nam	31CYC4	7.7	4.0	Không Đạt	
82	28204602788	Nguyễn Thị	Thọ	02/05/2004	Quảng Nam	31TSC9	8.3	5.0	Đạt	
83	28208031328	Dương Thị Ngọc	Thư	27/10/2004	Đà Nẵng	31SSC5	4.7	5.0	Không Đạt	
84	27202141055	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/08/2003	Đà Nẵng	31TYC10	5.7	3.9	Không Đạt	
85	27203121276	Nguyễn Thị Thu	Thúy	15/10/2003	Quảng Ngãi	30THT12	7.7	4.0	Không Đạt	
86	28203500663	Trần Thị	Thúy	30/09/2004	Quảng Nam	31TSC9	7.0	3.0	Không Đạt	
87	29206665591	Nguyễn Thị	Thủy	26/01/2005	Hà Tĩnh	31THT9	6.3	4.3	Không Đạt	
88	26205339346	Lê Thị Vi	Tĩnh	30/07/2002	Quảng Nam	31TSC9	9.0	5.5	Đạt	
89	28206501925	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	25/10/2004	Hồ Chí Minh	31TSC9	3.3	4.0	Không Đạt	
90	28208036094	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	24/02/2004	Quảng Nam	31SSC5	9.0	6.3	Đạt	
91	29208145757	Trần Thị Thùy	Trâm	04/12/2005	Quảng Nam	31TYC10	7.3	5.0	Đạt	
92	28203630418	Đinh Thị Thu	Trang	05/09/2004	Thanh Hóa	31SSC5	7.3	7.0	Đạt	
93	28207254606	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	25/10/2004	Quảng Bình	31TSC9	5.3	5.0	Đạt	
94	27205201934	Vũ Thị Kiều	Trang	23/01/2003	Gia Lai	31TSC9	8.0	5.3	Đạt	
95	28212300756	Nguyễn Ngọc	Trí	03/10/2004	Gia Lai	31TSC9	6.0	5.0	Đạt	
96	28208005206	Trương Thị Kim	Trình	04/08/2004	Quảng Nam	31SSC5	9.7	6.5	Đạt	
97	27207128614	Vô Thị Kiều	Trình	24/10/2003	Quảng Nam	29CYC3	V	V	Không Đạt	
98	28213653033	Lê Quang	Trưởng	28/02/2004	Quảng Ngãi	31SSC5	5.0	7.0	Đạt	
99	28206503269	Hoàng Thị Cẩm	Tú	30/06/2004	Đắk Lắk	31TYC10	3.3	2.5	Không Đạt	
100	28206201218	Hoàng Thị Tổ	Uyên	11/10/2004	Quảng Nam	31CSC3	7.7	5.0	Đạt	
101	28206203537	Nguyễn Lê Tường	Vi	20/11/2004	Đà Nẵng	31SSC5	6.0	5.0	Đạt	
102	29214627184	Đoàn Lê Bình	Việt	15/03/2005	Quảng Nam	31TYC10	10.0	7.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	26212136279	Huỳnh Đức	Vinh	24/02/2001	Đà Nẵng	29TSC7	6.3	5.0	Đạt	
104	28212401168	Nguyễn Tấn	Vinh	08/05/2004	Quảng Nam	31TSC9	4.3	V	Không Đạt	
105	28212135697	Hoàng Dương	Vũ	15/01/2004	Thừa Thiên H	31TYC10	7.3	3.3	Không Đạt	
106	28212306046	Huỳnh Anh	Vũ	16/07/2004	Phú Yên	31TYC10	8.0	6.5	Đạt	
107	28212703879	Lê Cảnh	Vũ	15/05/2004	Quảng Trị	31TSC9	6.7	5.3	Đạt	
108	28206503622	Trần Lê Ngọc	Vy	05/10/2004	Quảng Ngãi	31TSC9	9.0	6.5	Đạt	
109	28208035310	Nguyễn Thị Trà	Xiêm	30/09/2004	Phú Yên	31TSC9	8.7	6.8	Đạt	
110	26203100558	Trịnh Hoài Như	Ý	07/06/2002	Phú Yên	31THT6	6.0	3.8	Không Đạt	
111	28203524704	Nguyễn Thị Bích	Yến	24/10/2004	Đắk Lắk	31TSC9	10.0	8.3	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh